

**CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

**BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**SỐ TNDKSP: 063/2023/ĐKSP**

**THỰC PHẨM DINH DƯỠNG Y HỌC  
NUTRICARE COLOS24H GROW PLUS 2+**

**Năm 2023**

UBND TỈNH BẮC NINH  
BAN QUẢN LÝ  
AN TOÀN THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 11 tháng 12 năm 2023

**GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
**SỐ: 063/2023/ĐKSP**

Ban Quản lý an toàn thực phẩm tỉnh Bắc Ninh xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức/cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02466833368 Fax: E-mail:

Cho sản phẩm: **Thực phẩm dinh dưỡng y học Nutricare Colos24h Grow Plus 2+**

do CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE; địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, phường Thanh Khương, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh sản xuất phù hợp với:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Tiêu chuẩn sản phẩm số: 79/2023/TCSP-NUTRI.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

**Nơi nhận:**

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu VT, NV.

**TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Văn Mạnh**  
Ký bởi: Ban quản lý an toàn thực phẩm  
Email: bqlatp@bcnmt.gov.vn  
Số quốc gia: 12-12-2023 14:53:13 +07:00  
Ngày ký: 12-12-2023 14:53:13 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 79/2023/CBSP-NUTRI

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**

Địa chỉ trụ sở: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 02466833368

Mã số doanh nghiệp: 0104937284

**II. Thông tin về sản phẩm:**

**1. Tên sản phẩm: Thực phẩm dinh dưỡng y học Nutricare Colos24h Grow Plus 2+**

**2. Thành phần:**

Bột sữa, Béo thực vật, Sucrose, Maltodextrin, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Sữa Non Colos 24h, DHA từ dầu cá, Postbiotic (Lợi khuẩn Lactococcus lactis), Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.

**3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe):** Sản phẩm không phải là thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

**Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.**

Ngày sản xuất, lô sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**



**Quy cách bao gói:** Hộp/Lon/Túi. Khối lượng tịnh: 45 g, 50 g, 90 g, 100 g, 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

**Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 024.66.833.368

**III. Mẫu nhãn sản phẩm**

(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn phụ sản phẩm dự kiến)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Tiêu chuẩn sản phẩm số: 79/2023/TCSP-NUTRI

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Bắc Ninh, ngày 04 tháng 12 năm 2022

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Đức Minh*





### NUTRICARE COLOS24H GROW PLUS 2+ BÉ TĂNG CÂN CAO KHỎE

Sản phẩm được nghiên cứu và phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ, CAO NĂNG LƯỢNG 100 kcal/100 ml THEO KHUYẾN NGHỊ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI, được chứng minh làm tăng giúp trẻ TĂNG CÂN SAU 2 THÁNG, bổ sung SỮA NON 24H TỰ MỸ, 10 TỶ LỢI KHUẨN<sup>®</sup> cũng 52 DƯỠNG CHẤT thiết yếu giúp trẻ CAO LỚN VƯỢT TRỘI

**52 DƯỠNG CHẤT**

**TĂNG CÂN KHỎE MẠNH**  
 Cao năng lượng 100 kcal/100 ml theo khuyến nghị của Tổ Chức Y Tế Thế Giới (WHO) cho trẻ suy dinh dưỡng và Đạm chất lượng cao<sup>(1)</sup> cùng 18 axit amin. Sản phẩm được chứng minh làm tăng giúp tăng cân sau 2 tháng.

**TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG VÀ TIÊU HÓA**  
 Sữa non 24h nhập khẩu trực tiếp từ Mỹ chứa 20% kháng thể IgG, 10 tỷ lợi khuẩn<sup>®</sup> cùng Kẽm và hệ Antioxidant (Vitamin A, C, E, Selen) giúp tăng sức đề kháng.

**HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO**  
 Bổ 3 dưỡng chất Canxi, Vitamin D3, Phốt pho giúp phát triển hệ xương và chiều cao của trẻ, đáp ứng theo nhu cầu khuyến nghị của Bộ Y Tế, phù hợp với thể trạng của trẻ em Việt Nam.

**HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÃO BỘ**  
 DHA là dưỡng chất quan trọng hỗ trợ phát triển não bộ, cùng Axit folic hỗ trợ khả năng ghi nhớ, học hỏi của trẻ.

(1) Năng lượng đạt 100 kcal/100 ml theo khuyến nghị của Tổ Chức Y Tế Thế Giới (WHO) cho trẻ suy dinh dưỡng.  
 (2) Hàm lượng sữa và đậu nành là đậm đặc chất lượng cao.  
 (3) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.  
 (4) 10 tỷ lợi khuẩn (Probiotic) trong 2 ly pha chuẩn.  
 LƯU Ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.

**4. BẢO QUẢN/STORAGE:**  
 • Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.  
 • Close the tin tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

**5. CÔNG DỤNG/FEATURES:**  
 Nutricare Colos24h Grow Plus 2+ thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm, cùng các dưỡng chất cần thiết giúp trẻ tăng cân, tăng chiều cao, làm giảm tình trạng suy dinh dưỡng và nguy cơ suy dinh dưỡng của trẻ.  
**6. ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR:**  
 • Trẻ từ 2 – 10 tuổi. /For children from 2 – 10 years old.  
 • Trẻ nhẹ cân, biếng ăn, trẻ có nhu cầu bổ sung thêm Năng lượng, Đạm và Vi chất dinh dưỡng vào khẩu phần ăn; trẻ suy dinh dưỡng đang trong thời gian điều trị duy trì/dù phòng. /Underweight children, children with anorexia, children who need to add more Energy, Protein and Micronutrients to their diets; malnourished children are undergoing maintenance/prevention treatment.




CAO NĂNG LƯỢNG 100 kcal<sup>TM</sup>  
 HỖ TRỢ TĂNG CÂN  
 CHỈỀU CAO  
 10 TỶ LỢI KHUẨN<sup>®</sup>  
 +DHA

SỮA NON NHẬP KHẨU TỰ MỸ  
 2+  
 THỰC PHẨM DINH DƯỠNG Y HỌC NUTRICARE COLOS24H GROW PLUS 2+  
 Dành cho trẻ từ 2 – 10 tuổi

### 1. THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Bột sữa, Béo thực vật, Sucrose, Maltodextrin, Chất xơ hòa tan (FOS/inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phyloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crom clorid, Natri molybdat), Sữa Non Colos 24h, DHA từ đậu cá, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*), Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.  
 Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Đậu cá.

### 2. HƯỚNG DẪN CÁCH PHA/INSTRUCTIONS FOR PREPARATION:

- Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha /Wash your hands with soap and water.
- Đun sôi các dụng cụ cốc và nắp trong 2 phút. All utensils must be cleaned and boiled for 2 minutes.
- Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 - 50°C) trước khi pha. Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 45 - 50°C).
- Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho từ từ 4.5 muỗng gạt Nutricare Colos24h Grow Plus 2+ (tương đương 45 g) /Pour 180 ml of water into the utensil, then add 4.5 scoops (approximately 45 g) of Nutricare Colos24h Grow Plus 2+.
- Khuấy đều cho đến khi tan hết được 210 ml Nutricare Colos24h Grow Plus 2+. Thử độ nóng trước khi cho bé dùng. Stir well until the powder is completely dissolved to get 210 ml Nutricare Colos24h Grow Plus 2+. Check the heat before feeding.
- Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ. /Finish using Nutricare Colos24h Grow Plus 2+ reconstituted feeding 1 hour after preparation.

### 3. LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:

- Dùng 2 ly/ngày cho trẻ từ 2 - 3 tuổi. /Use 2 servings per day for children from 2 - 3 years of age.
- 2 - 3 ly/ngày cho trẻ từ 3 - 10 tuổi. /2 - 3 servings per day for children from 3 - 10 years of age.
- Hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng. /Or follow doctor/dietitian's instructions.

Sử dụng cho người bệnh với sự giám sát của nhân viên y tế.  
 Chịu trách nhiệm sản phẩm bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE  
 VPQC: Tầng nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Văn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Điện thoại: 024.66.833.368  
 Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare  
 Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Xuất xứ: Việt Nam.  
 Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018.  
 Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP.  
 Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.  
 SỔ THỦKẾ: NSX và HSD: Xem trên bao bì.

TU VẤN DINH DƯỠNG MIỄN BẮC: 1800.6011 (9h-19h) /MIỄN BẮC: 024.73.009.888  
 www.nutricare.com.vn

### GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH/AVERAGE NUTRITIONAL VALUES

Thành phần/Components	Đơn vị/Unit	Trong 100 g bột/Per 100g	Trong 1 ly pha chuẩn/Per serving (210 ml)
Năng lượng/Energy	kcal	438	220
Ban Phấn/Protein	g	16.5	74.3
Lysin/Lysine	mg	1147	576
Leucin/Leucine	mg	1325	596
Isoleucin/Isoleucine	mg	739	333
Valin/Valine	mg	875	394
Arginin/Arginine	mg	614	276
Histidin/Histidine	mg	378	170
Phenylalanin/Phenylalanine	mg	626	282
Tyrosin/Tyrosine	mg	527	237
Threonin/Threonine	mg	620	279
Methionin/Methionine	mg	323	145
Tryptophan/Tryptophan	mg	195	87
Cystein/Cysteine	mg	171	77
Aspartamin/Aspartic acid	mg	2396	1348
Asparagin/Asparagine	mg	1199	535
Glycin/Glycine	mg	321	144
Alanin/Alanine	mg	489	220
Prolin/Proline	mg	1277	575
Serin/Serine	mg	793	352
Cholesterol	g	24.0	10.8
DHA (Docosahexaenoic acid)	mg	22.0	9.90
Carbohydrat tổng/Total carbohydrate	g	53.4	24.0
Chất xơ hòa tan/Total fiber	g	3.00	1.35
Sữa Non Colos 24h/Colos24h Grow Plus 2+	mg	100	45.0
IgG	mg	20.0	9.00
Lợi khuẩn/Probiotic (Lactococcus lactis)	hàng tỷ/10 <sup>9</sup>	504	219

### VITAMIN/VITAMINS

Vitamin A	IU	1333	600
Vitamin B3	IU	187	84.1
Vitamin E	IU	3.32	3.24
Vitamin K1	ug	14.7	6.82
Vitamin C	mg	617	27.8
Vitamin B1	ug	448	202
Vitamin B2	ug	939	422
Niacin	ug	6911	3110
Asiparothamin/Pantothenic acid	ug	1943	874
Vitamin B6	ug	789	355
Axit folic/Folic acid	ug	113	50.9
Vitamin B12	ug	1.54	0.69
Biotin	ug	119	53.6

### KHOẢNG CHẤT/MINERALS

Natri/Sodium	mg	261	117
Kali/Potassium	mg	455	206
Canxi/Calcium	mg	586	264
Phốt pho/Phosphorus	mg	420	199
Magiê/Magnesium	mg	65.0	29.3
Sắt/iron	mg	5.04	2.27
Kẽm/Zinc	mg	7.20	3.24
Mangan/Manganese	ug	622	280
Bron/Copper	ug	160	72.0
I-iodine	ug	102	45.9
Selen/Selenium	ug	5.90	2.66
Crôm/Chromium	ug	4.13	1.86
Molybden/Molybdenum	ug	18.9	8.50



**CÔNG TY CP DINH DƯỠNG NUTRICARE**  
**BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM**  
**Số: 79/2023/TCSP-NUTRI**

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Địa chỉ trụ sở: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội..

Địa chỉ VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 66833368

Fax: 0437858999

E-mail: nutricare82@gmail.com

**1. Tên sản phẩm: Thực phẩm dinh dưỡng y học Nutricare Colos24h Grow Plus 2+**

**2. Thành phần cấu tạo**

Bột sữa, Béo thực vật, Sucrose, Maltodextrin, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Sữa Non Colos 24h, DHA từ dầu cá, Postbiotic (Loi khuẩn *Lactococcus lactis*), Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.

**3. Chỉ tiêu cảm quan:**

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng khét).

**4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:**

Thành phần	Đơn vị	Mức tối thiểu trong 100 g bột
Năng lượng	kcal	390
Đạm	g	13.2

Lysin	mg	918
Leucin	mg	1060
Isoleucin	mg	591
Valin	mg	700
Arginin	mg	491
Histidin	mg	302
Phenylalanin	mg	501
Tyrosin	mg	422
Threonin	mg	496
Methionin	mg	258
Tryptophan	mg	156
Cystin	mg	137
Axit glutamic	mg	2397
Axit aspartic	mg	951
Glycin	mg	258
Alanin	mg	391
Prolin	mg	1026
Serin	mg	626
<b>Chất béo/Lipid</b>	g	19.2
DHA ( <i>Docosahexaenoic acid</i> )	mg	17.6
<b>Carbohydrate tổng</b>	g	42.7
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	2.40
Sữa Non Colos 24h	mg	80.0
IgG	mg	16.0
Lợi khuẩn/ <i>Postbiotic</i> ( <i>Lactococcus lactis</i> )	tế bào	$11.2 \times 10^9$
<b>Vitamin/Vitamins</b>		
Vitamin A	IU	1066
Vitamin D3	IU	150
Vitamin E	IU	6.66
Vitamin K1	µg	11.8
Vitamin C	mg	49.4
Vitamin B1	µg	358
Vitamin B2	µg	750
Niacin	µg	5529
Axit pantothenic	µg	1554
Vitamin B6	µg	631
Axit folic	µg	90.4
Vitamin B12	µg	1.23
Biotin	µg	9.52
<b>Khoáng chất/Minerals</b>		

10  
CÔ  
C  
DIN  
NU  
AU G

Natri	mg	209
Kali	mg	364
Canxi	mg	469
Phốt pho	mg	336
Magiê	mg	52.0
Sắt	mg	4.03
Kẽm	mg	5.76
Mangan	µg	498
Đồng	µg	128
I-ốt	µg	81.6
Selen	µg	4.72
Crôm	µg	3.30
Molypden	µg	15.1

- Hàm lượng vitamin, khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02 Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

#### 5. Chỉ tiêu an toàn:

**5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật:** Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	/10g	KPH
3	<i>Staphylococci dương tính với coagulase</i>	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100

**5.2. Hàm lượng kim loại nặng:** Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/l	0.02
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05
4	Asen	mg/kg	0.5
5	Thiếc (Sn) ( <i>Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc</i> )	mg/kg	250

**5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm:** Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0.025
2	Ochratoxin A	µg/kg	0.5
3	Patulin	µg/kg	10
4	Deoxynivalenol	µg/kg	200
5	Zearalenone	µg/kg	20
6	Fumonisin	µg/kg	200

#### 5.4. Hàm lượng Melamin:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Hàm lượng Melamine	mg/kg	2,5

#### 5.5. Các chỉ tiêu khác:

- Dư lượng thuốc thú y: Phù hợp với Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14/08/2013 của Bộ Y tế.

- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.

#### 6. Lượng dùng khuyến nghị

Dùng 2 ly/ngày cho trẻ từ 2 - 3 tuổi; 2 - 3 ly/ngày cho trẻ từ 3 – 10 tuổi.

#### 7. Hướng dẫn cách pha

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.
- 2) Đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 2 phút.
- 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 - 50°C) trước khi pha.
- 4) Cho 180ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho từ từ 45g Nutricare Colos24h Grow Plus 2+.
- 5) Khuấy đều cho đến khi tan hết được 210 ml Nutricare Colos24h Grow Plus 2+. Thử độ nóng trước khi cho bé dùng.

Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

#### 8. Đối tượng sử dụng

Trẻ từ 2 – 10 tuổi. Trẻ nhẹ cân, biếng ăn, trẻ có nhu cầu bổ sung thêm Năng lượng, Đạm và Vi chất dinh dưỡng vào khẩu phần ăn, trẻ suy dinh dưỡng đang trong thời gian điều trị duy trì/dự phòng.

#### 9. Công dụng

Nutricare Colos24h Grow Plus 2+ thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm, cùng các dưỡng chất cần thiết giúp trẻ tăng cân, tăng chiều cao, làm giảm tình trạng suy dinh dưỡng và nguy cơ suy dinh dưỡng của trẻ.

### 10. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

**11. Hạn sử dụng:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

### 12. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách bao gói: Hộp/Lon/Túi. Khối lượng tịnh: 45 g, 50 g, 90 g, 100 g, 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

### 13. Các biện pháp phân biệt thật giả:

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo công ty và số công bố chất lượng.

### 14. Xuất xứ sản phẩm.

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000:2018**,

Hệ thống thực hành sản xuất tốt (**GMP**), **HACCP**,

Hệ thống Quản lý môi trường **ISO 14001:2015**.

Bắc Ninh, ngày 04 tháng 12 năm 2023

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Kí tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Đức Minh*



CHI CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM BẮC NINH

Số:.....

Ngày: 9/10/2025

Chuyển: CÔNG TY CỔ PHẦN

Số và ký hiệu: DINH DƯỠNG NUTRICARE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 130/2025/CV-NU

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 10 năm 2025

V/v Thông báo cập nhật nhãn và tiêu chuẩn sản phẩm sau công bố

**Kính gửi: Chi cục An toàn thực phẩm Bắc Ninh - Sở Y tế Tỉnh Bắc Ninh**

Trước tiên, Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare (Nutricare) cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Chi cục đối với Công ty trong thời gian qua.

Sản phẩm của Nutricare đã thực hiện thủ tục đăng ký công bố sản phẩm tại Ban Quản lý An toàn thực phẩm Tỉnh Bắc Ninh như sau:

Tên sản phẩm	Số TNDKSP	Ngày công bố
Thực phẩm dinh dưỡng y học Nutricare Colos24h Grow Plus 2+	063/2023/ĐKSP	11/12/2023

Căn cứ Khoản 4, Điều 8 của Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 và Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023–2030 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025). Công ty chúng tôi xin phép được thông báo cập nhật nhãn và tiêu chuẩn sản phẩm của sản phẩm trên phù hợp với quy định hiện hành như sau:

#### 1. Cập nhật nhãn sản phẩm

Nội dung thay đổi	Thông tin cũ	Thông tin điều chỉnh/ cập nhật
Cập nhật cách viết chữ “Đạm” trong bảng Giá trị dinh dưỡng trung bình	“Đạm”	“Chất đạm”
Cập nhật cách viết Carbohydrate trong bảng giá trị dinh dưỡng trung bình	“Carbohydrate tổng”	“Carbohydrat”
Cập nhật cách viết Sữa non Colos24h trong bảng giá trị dinh dưỡng trung bình	“Sữa non Colos24h”	“Từ Sữa Non Colos 24h”

Cập nhật cách viết cảnh báo thành phần dị ứng	<b>“Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.”</b>	<b>“Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Đậu nành, Cá.”</b>
Cập nhật cách viết hương liệu	<b>“Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm”</b>	<b>“Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm.”</b>
Bổ sung giá trị <b>“Đường tổng số”</b> trong bảng giá trị dinh dưỡng trung bình.		
Bổ sung câu <b>“Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.”</b>		
Cập nhật nội dung trong mục <b>“Hướng dẫn sử dụng”</b>	<b>HƯỚNG DẪN CÁCH PHA:</b> 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha. 2) Đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 2 phút. 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 - 50 <sup>0</sup> C) trước khi pha. 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho từ từ 4.5 muỗng gạt <b>Nutricare Colos24h Grow Plus 2+</b> (tương đương 45 g). 5) Khuấy đều cho đến khi tan hết được 210 ml <b>Nutricare Colos24h Grow Plus 2+</b> . Thử độ nóng trước khi cho bé dùng. Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ.	<b>HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:</b> 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha. 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút. 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C. 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4,5 muỗng gạt (tương đương 45 g bột). 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng. Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ.
Cập nhật nội dung trong mục <b>“Lượng dùng khuyến nghị”</b>	Dùng 2 ly/ngày cho trẻ từ 2 - 3 tuổi; 2 - 3 ly/ngày cho trẻ từ 3 – 10 tuổi.  Hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng..	Dùng 2 ly/ngày cho trẻ từ 2 - 3 tuổi; 2 - 3 ly/ngày cho trẻ trên 3 tuổi – 10 tuổi..  Hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.
Cập nhật thông tin trong mục <b>“Bảo quản”</b>	Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. <b>Lon</b> khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.	Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. <b>Sản phẩm</b> khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.
Bổ sung Cụm từ <b>“Nhà máy Nutricare”</b> trước thông tin đạt chứng nhận ISO, HACCP, GMP	Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018, Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.	Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.

Cập nhật địa chỉ Văn phòng giao dịch và địa chỉ nhà máy sản xuất theo địa giới hành chính mới	<p>“Chịu trách nhiệm sản phẩm bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE</p> <p>VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.</p> <p>Điện thoại: 024.6683.3368</p> <p>Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare</p> <p>Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.</p>	<p>THƯƠNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA:</p> <p>CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.</p> <p>VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p> <p>Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.</p> <p>Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.</p>
Cập nhật cách viết Tiếng anh mục “Khối lượng tịnh”	“Net.wt”	“Net wt.”
Bổ sung Số Tiêu chuẩn: 79/2023/TCSP-NUTRI		

**2. Cập nhật tiêu chuẩn sản phẩm số 79/2023/TCSP-NUTRI của sản phẩm theo quy định hiện hành.**

Nội dung thay đổi	Thông tin cũ	Thông tin điều chỉnh/ cập nhật
Bổ sung giá trị “ <b>Đường tổng số</b> ” trong bảng giá trị dinh dưỡng trung bình.		
Cập nhật cách viết chữ “ <b>Đạm</b> ” trong bảng Giá trị dinh dưỡng trung bình	“ <b>Đạm</b> ”	“ <b>Chất đạm</b> ”
Cập nhật cách viết <b>Carbohydrate</b> trong bảng giá trị dinh dưỡng trung bình	“ <b>Carbohydrate tổng</b> ”	“ <b>Carbohydrat</b> ”
Cập nhật cách viết Sữa non Colos24h trong bảng giá trị dinh dưỡng trung bình	“ <b>Sữa non Colos24h</b> ”	“ <b>Từ Sữa Non Colos 24h</b> ”
Cập nhật cách viết hương liệu	“ <b>Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm</b> ”	“ <b>Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm.</b> ”
Cập nhật cách viết cảnh báo thành phần dị ứng	“ <b>Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành, Dầu cá.</b> ”	“ <b>Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Cá, Đậu nành.</b> ”

<p>Cập nhật nội dung trong mục “<b>Hướng dẫn sử dụng</b>”</p>	<p><b>HƯỚNG DẪN CÁCH PHA:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.</li> <li>2) Đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 2 phút.</li> <li>3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 - 50<sup>0</sup>C) trước khi pha.</li> <li>4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho từ từ 4.5 muỗng gạt <b>Nutricare Colos24h Grow Plus 2+</b> (tương đương 45 g).</li> <li>5) Khuấy đều cho đến khi tan hết được 210 ml <b>Nutricare Colos24h Grow Plus 2+</b>. Thử độ nóng trước khi cho bé dùng. Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ.</li> </ol>	<p><b>HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.</li> <li>2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút.</li> <li>3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C.</li> <li>4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4,5 muỗng gạt (tương đương 45 g bột).</li> <li>5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng. Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ.</li> </ol>
<p>Cập nhật nội dung trong mục “<b>Lượng dùng khuyến nghị</b>”</p>	<p>Dùng 2 ly/ngày cho trẻ từ 2 - 3 tuổi; 2 - 3 ly/ngày cho trẻ từ 3 – 10 tuổi.</p> <p>Hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng..</p>	<p>Dùng 2 ly/ngày cho trẻ từ 2 - 3 tuổi; 2 - 3 ly/ngày cho trẻ trên 3 tuổi – 10 tuổi..</p> <p>Hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.</p>
<p>Cập nhật thông tin trong mục “<b>Bảo quản</b>”</p>	<p>Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. <b>Lon</b> khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.</p>	<p>Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. <b>Sản phẩm</b> khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.</p>
<p>Cập nhật thông tin địa giới hành chính mới của Trụ sở và VPGD</p>	<p>Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty CP Dinh dưỡng Nutricare. Trụ sở: Số 5, ngõ 9/76, Phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP.Hà Nội. Địa chỉ VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p>	<p>Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare. Địa chỉ trụ sở: Số 28, Ngõ 7A, Khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Địa chỉ VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p>
<p>Bổ sung Cụm từ “<b>Nhà máy Nutricare</b>” trước thông tin đạt chứng nhận ISO, HACCP, GMP</p>	<p>Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018, Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.</p>	<p>Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 &amp; Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.</p>

<p>Cập nhật địa chỉ Văn phòng giao dịch và địa chỉ nhà máy sản xuất theo địa giới hành chính mới</p>	<p>“Chịu trách nhiệm sản phẩm bởi:  <b>CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE</b>          VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.          Điện thoại: 024.6683.3368          Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare          Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.</p>	<p><b>THƯỜNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA:</b>  <b>CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.</b>          VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.          Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.          Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.</p>
<p><b>Bỏ mục 5.5. Các chỉ tiêu khác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dư lượng thuốc thú y: Phù hợp với Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14/08/2013 của Bộ Y tế.</li> <li>- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.</li> </ul>		

(Nhãn và tiêu chuẩn sản phẩm cập nhật chi tiết đính kèm).

Các nội dung (Tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo...) không thay đổi so với nhãn đã công bố.

Nutricare cam kết bảo đảm chất lượng sản phẩm trên như đã công bố.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare xin thông báo đến Chi cục An toàn thực phẩm Bắc Ninh được biết.

*Xin trân trọng cảm ơn!*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Đức Minh*



# CÔNG TY CP DINH DƯỠNG NUTRICARE

## BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Số: 79/2023/TCSP-NUTRI

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Địa chỉ trụ sở: Số 28, Nơ 7A, Khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 66833368

Fax: 0437858999

E-mail: nutricare82@gmail.com

### 1. Tên sản phẩm: Thực phẩm dinh dưỡng y học Nutricare Colos24h Grow Plus 2+

### 2. Thành phần cấu tạo

Bột sữa, Béo thực vật, Sucrose, Maltodextrin, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Pylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Sữa Non Colos 24h, DHA từ dầu cá, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm.

### 3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng khét).

### 4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Thành phần	Đơn vị	Mức tối thiểu trong 100 g bột
Năng lượng/Energy	kcal	390
Chất đạm/Protein	g	13,2
Lysin/Lysine	mg	918
Leucin/Leucine	mg	1060
Isoleucin/Isoleucine	mg	591
Valin/Valine	mg	700
Arginin/Arginine	mg	491
Histidin/Histidine	mg	302
Phenylalanin/Phenylalanine	mg	501
Tyrosin/Tyrosine	mg	422
Threonin/Threonine	mg	496

Methionin/ <i>Methionine</i>	mg	258
Tryptophan/ <i>Tryptophan</i>	mg	156
Cystin/ <i>Cystine</i>	mg	137
Axit glutamic/ <i>Glutamic acid</i>	mg	2397
Axit aspartic/ <i>Aspartic acid</i>	mg	951
Glycin/ <i>Glycine</i>	mg	257
Alanin/ <i>Alanine</i>	mg	391
Prolin/ <i>Proline</i>	mg	1022
Serin/ <i>Serine</i>	mg	626
<b>Chất béo/<i>Lipid</i></b>	g	19,2
DHA ( <i>Docosahexaenoic acid</i> )	mg	17,6
<b>Carbohydrat/<i>Carbohydrate</i></b>	g	40,3
Đường tổng số/ <i>Total sugars</i>	g	22,0
Chất xơ hòa tan (FOS/ <i>Inulin</i> )	g	2,40
IgG	mg	16,0
Từ Sữa Non Colos 24h/ <i>From Colostrum Colos 24h</i>	mg	80,0
Lợi khuẩn/ <i>Postbiotic (Lactococcus lactis)</i>	tế bào	11,2 x 10 <sup>9</sup>
<b>Vitamin/<i>Vitamins</i></b>		
Vitamin A	IU	1066
Vitamin D3	IU	150
Vitamin E	IU	6,66
Vitamin K1	µg	11,8
Vitamin C	mg	49,4
Vitamin B1	µg	358
Vitamin B2	µg	750
Niacin	µg	5529
Axit pantothenic/ <i>Pantothenic acid</i>	µg	1554
Vitamin B6	µg	631
Axit folic/ <i>Folic acid</i>	µg	90,4
Vitamin B12	µg	1,23
Biotin	µg	9,52
<b>Khoáng chất/<i>Minerals</i></b>		
Natri/ <i>Sodium</i>	mg	209
Kali/ <i>Potassium</i>	mg	364
Canxi/ <i>Calcium</i>	mg	469
Phốt pho/ <i>Phosphorus</i>	mg	336
Magiê/ <i>Magnesium</i>	mg	52,0

Sắt/ <i>Iron</i>	mg	4,03
Kẽm/ <i>Zinc</i>	mg	5,76
Mangan/ <i>Manganese</i>	µg	498
Đồng/ <i>Copper</i>	µg	128
I-ốt/ <i>Iodine</i>	µg	81,6
Selen/ <i>Selenium</i>	µg	4,72
Crôm/ <i>Chromium</i>	µg	3,30
Molypden/ <i>Molybdenum</i>	µg	15,1

**5. Chỉ tiêu an toàn:**

**5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật:** Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	/10g	KPH
3	<i>Staphylococci dương tính với coagulase</i>	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100

**5.2. Hàm lượng kim loại nặng:** Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/l	0,02
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05
4	Asen	mg/kg	0,5
5	Thiếc (Sn) ( <i>Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc</i> )	mg/kg	250

**5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm:** Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,025
2	Ochratoxin A	µg/kg	0,5
3	Patulin	µg/kg	10
4	Deoxynivalenol	µg/kg	200
5	Zearalenone	µg/kg	20
6	Fumonisin	µg/kg	200

#### 5.4. Hàm lượng Melamin:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Hàm lượng Melamine	mg/kg	2,5

#### 6. Lượng dùng khuyến nghị

Dùng 2 ly/ngày cho trẻ từ 2 - 3 tuổi; 2 - 3 ly/ngày cho trẻ trên 3 tuổi - 10 tuổi.

Hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.

#### 7. Hướng dẫn sử dụng

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.
- 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút.
- 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C.
- 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4,5 muỗng gạt (tương đương 45 g bột).
- 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng.

Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

#### 8. Đối tượng sử dụng

Trẻ từ 2 - 10 tuổi. Trẻ nhẹ cân, biếng ăn, suy dinh dưỡng, trẻ có nhu cầu bổ sung thêm Năng lượng, Đạm và Vi chất dinh dưỡng vào khẩu phần ăn, trẻ đang trong thời gian điều trị duy trì/dự phòng suy dinh dưỡng.

#### 9. Công dụng

Thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm, cùng các dưỡng chất cần thiết giúp trẻ tăng cân, tăng chiều cao, làm giảm tình trạng suy dinh dưỡng và nguy cơ suy dinh dưỡng của trẻ.

#### 10. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

**11. Hạn sử dụng:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

#### 12. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách bao gói: Hộp/Lon/Túi. Khối lượng tịnh: 45 g, 50 g, 90 g, 100 g, 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

#### 13. Các biện pháp phân biệt thật giả:

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo công ty và số công bố chất lượng.

#### 14. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

284  
TY  
IN  
CÔNG  
ARE  
TP. HẢI

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000** & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (**GMP**) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường **ISO 14001**.

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2025

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Kí tên, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Đức Minh*





**GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH (AVERAGE NUTRITIONAL VALUES)**

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100g bột Per 100g powder	Trong 1 ly pha sẵn Per serving (210ml)
Năng lượng Energy	kcal	488	220
Calories/Phần	g	85,5	24,3
Carbohydrate	mg	1427	616
Leucine	mg	1525	596
Isoleucine/Phenylalanine	mg	739	333
Valine	mg	875	394
Arginine	mg	614	276
Histidine	mg	578	170
Phenylalanine/Phenylalanine	mg	626	282
Tryptophan	mg	527	237
Threonine	mg	620	279
Medicinal/Minerals	mg	323	145
Pyridoxine	mg	195	87
Calcium	mg	171	77
Aspartic acid	mg	2986	1348
Aspartic acid	mg	1189	535
Glutamine	mg	321	144
Methionine	mg	489	220
Proline	mg	1277	575
Serine	mg	763	352
Cholesterol	g	24,0	10,8
Cholesterol/Cholesterol	mg	22,0	9,80
Cholesterol/Cholesterol	g	50,4	22,7
Cholesterol/Cholesterol	g	22,5	12,4
Cholesterol/Cholesterol	g	5,00	1,35
Iron	mg	20,0	9,00
Iron/Phenylalanine	mg	100	45,0
Iron/Phenylalanine	mg	11,2 x 10 <sup>3</sup>	5,04 x 10 <sup>3</sup>

VITAMIN/VITAMINS			
Vitamin A	IU	1333	600
Vitamin B1	IU	187	84,1
Vitamin B2	IU	8,32	3,74
Vitamin B3	IU	14,7	6,62
Vitamin B5	mg	617	228
Vitamin B6	mg	448	202
Vitamin B12	mg	988	422
Iron	mg	6911	3170
Aspartic acid	mg	1943	874
Aspartic acid	mg	789	365
Aspartic acid	mg	113	50,9
Aspartic acid	mg	15,4	6,99
Aspartic acid	mg	15,9	7,38

KHOẢNG CHẤT/MINERALS			
Sodium	mg	261	117
Aspartic acid	mg	455	205
Calcium	mg	586	264
Phosphorus	mg	420	189
Arginine	mg	650	293
Sulfur	mg	5,04	2,27
Iron	mg	220	100
Arginine	mg	622	280
Arginine	mg	180	72,0
Arginine	mg	102	45,9
Serine	mg	5,90	2,65
Cholesterol	mg	41,3	18,6
Cholesterol	mg	8,9	4,00

**1) THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:**

Bột sữa, Béo thực vật, Sucrose, Maltodextrin, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiarn mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sunfat, Mangan sunfat, Đồng sunfat, Natri selenit, Crom clorid, Natri molybdat), Sữa Non Coios 24h, DHA từ dầu cá, Postbiotic (Lợi khuẩn Lactococcus lactis), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm.

**2) HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:**

- Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha. Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ cốc và nắp trong 5 phút. *All utensils must be cleaned and boiled for 5 minutes.*
- Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 60°C. *Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to temperature approximately 60°C.*
- Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4,5 muỗng gạt (tương đương 45 g bột). *Pour 180 ml of water into the utensil, then add 4,5 scoops (approximately 45 g of powder).*
- Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng. *Stir well until the powder is completely dissolved. Check the heat before feeding.*
- Hòm pha sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ. *Finish using product immediately (within 1 hour after preparation).*

**3) LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:**

- Dùng 2 ly/ngày cho trẻ từ 2 - 3 tuổi; 2 - 3 ly/ngày cho trẻ từ 3 tuổi - 10 tuổi. *Use 2 servings per day for children aged 2 - 3 years; 2 - 3 servings per day for children aged over 3 - 10 years.*
- Hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng./Or follow doctor/dietitian's instructions.
- Sử dụng cho người bệnh với sự giám sát của nhân viên y tế.

**THƯƠNG NHÃN CHIU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA:**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**  
 VPĐD: Số 9, Khu A-TT, Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội Việt Nam.  
 Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare,  
 Nhà máy 1: Lô V12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Xuất xứ: Việt Nam.  
 Nhà máy Nutricare đang cấp Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp tiêu chuẩn HACCP, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001, Số TNDKSP: 063/2023/ĐKSP.  
 Số hiệu chứng chỉ: 79/2023/TCS-SP-NUTRI  
 NSX và HSD: Xem trên bao bì.

**TƯ VẤN DINH DƯỠNG**  
 MIỄN BẮC: 1800.6011 (phần phí)  
 MIỄN BẮC: 028.73.009.888  
 www.nutricare.com.vn



**2+**  
 Net 850 g  
**THỰC PHẨM DINH DƯỠNG Y HỌC**  
 NUTRICARE COLOS24H GROW PLUS 2+  
 Dành cho trẻ từ 2 - 10 tuổi

**MNi-USA** Nutricare Medical Nutrition Institute - USA

**52 ĐƯỜNG CHẤT**

**NUTRICARE COLOS24H GROW PLUS 2+**  
**BỀ TĂNG CÂN CAO KHỎE**  
 Sản phẩm được nghiên cứu và phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ, **CAO NĂNG LƯỢNG 100 kcal/100 ml** THEO KHUYẾN NGHỊ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI, được chứng minh lâm sàng giúp trẻ **TĂNG CÂN SAU 2 THÁNG**, bổ sung **SỮA NON TỪ MỸ, 10 TỶ LỢI KHUẨN** cùng **52 ĐƯỜNG CHẤT** thiết yếu giúp trẻ **CAO LỚN VƯỢT TRỘI**

**TĂNG CÂN KHỎE MẠNH**

**CAO NĂNG LƯỢNG 100 kcal/100 ml** theo khuyến nghị của **TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI (WHO)** cho trẻ suy dinh dưỡng và **ĐẠM CHẤT LƯỢNG CAO** cùng 10 axit amin. Sản phẩm được **chứng minh lâm sàng giúp tăng cân sau 2 tháng**.

**Lysin** cùng **Kẽm** thúc đẩy quá trình chuyển hóa năng lượng, giúp trẻ ăn ngon miệng.

**TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG VÀ TIÊU HÓA**

**Sữa non** nhập khẩu trực tiếp từ **Mỹ** chứa **20% kháng thể IgG, 10 tỷ lợi khuẩn** cùng **Kẽm** và **hệ Antioxidant** (Vitamin A, C, E, Selen) giúp trẻ tăng sức đề kháng.

**Chất xơ hòa tan (Prebiotics)** giúp tăng hệ vi khuẩn có lợi, hỗ trợ hệ tiêu hóa của trẻ, chống táo bón.

**HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO**

Bổ 3 dưỡng chất **Canxi, Vitamin D3, Phát pho** giúp phát triển hệ xương và chiều cao của trẻ, đáp ứng **theo nhu cầu khuyến nghị của Bộ Y Tế**, phù hợp với thể trạng của trẻ em Việt Nam.

**HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÃO BỘ**

**DHA** là dưỡng chất quan trọng hỗ trợ phát triển não bộ, cùng **Axit folic** hỗ trợ khả năng ghi nhớ học hỏi của trẻ.

(1) Năng lượng 100 kcal/100 ml theo khuyến nghị của **TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI (WHO)** cho trẻ suy dinh dưỡng.  
 (2) Đạm từ sữa và đậu nành là đạm chất lượng cao.  
 (3) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.  
 (4) 10 tỷ lợi khuẩn (Prebiotics) trong 2 ly pha chuẩn.  
 (5) Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.  
 \* Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

**4) BẢO QUẢN/STORAGE:**  
 • Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải dùng sử dụng hết trong vòng 3 tuần. *Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.*

**6) CÔNG DỤNG/FEATURE:**  
 Thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm, cùng các dưỡng chất cần thiết giúp trẻ tăng cân, tăng chiều cao, làm giảm tình trạng suy dinh dưỡng và nguy cơ suy dinh dưỡng của trẻ.  
 Replaces snacks, supplements Energy, Protein and necessary nutrients to help children gain weight, increase height, reduce malnutrition and the risk of malnutrition in children.

**6) ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR:**  
 • Trẻ từ 2 - 10 tuổi. *For children from 2 - 10 years old.*  
 • Trẻ nhẹ cân, biếng ăn, trẻ có nhu cầu bổ sung thêm Năng lượng, Đạm và Vi chất dinh dưỡng sau phẫu thuật; trẻ suy dinh dưỡng đang trong thời gian điều trị duy trì/dưỡng, *Underweight children, children with anorexia, children who need to add more Energy, Protein and Micronutrients to their diets; malnourished children are undergoing maintenance/prevention treatment.*



**GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH\*\* / AVERAGE NUTRITIONAL VALUES**

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100g bột Per 100g powder	Trong 1 ly pha sữa Per serving (210 ml)
Năng lượng/Energy	kcal	488	220
Chất đạm/Protein	g	16,5	7,43
Lipid/Lipid	mg	1147	516
Lactose/Lactose	mg	1325	596
Isolactose/Isolactose	mg	739	333
Valin/Valine	mg	875	394
Arginin/Arginine	mg	614	276
Histidin/Histidine	mg	378	170
Phenylalanin/Phenylalanine	mg	626	282
Tyrosin/Tyrosine	mg	527	237
Threonin/Threonine	mg	620	279
Methionin/Methionine	mg	323	145
Tryptophan/Tryptophan	mg	195	87,7
Cystein/Cysteine	mg	171	77,1
Kali glutamat/Sodium acid glutamat/Glutamic acid glutamate	mg	2996	1348
Glutamin/Glutamine	mg	1189	535
Glycin/Glycine	mg	321	144
Alanin/Alanine	mg	489	220
Prolin/Proline	mg	1277	575
Serin/Serine	mg	753	352
Cholesterol/Cholesterol	g	24,0	10,8
DHA (Docosahexaenoic acid)	mg	22,0	9,90
Carbohydrat/Carbohydrate	g	50,4	22,7
Đường tổng số/Total sugars	g	275	12,4
Chất xơ hòa tan (FOS)/Inulin	g	3,00	1,35
Prebiotic (FOS/Inulin)	mg	20,0	9,00
IGP	mg	100	45,0
Từ Sữa non Colo 24h (From Colostrum Colo 24h)	tiết bào	11,2 x 10 <sup>9</sup>	5,04 x 10 <sup>9</sup>
<b>VITAMIN/VITAMINS</b>			
Vitamin A	IU	1333	600
Vitamin D3	IU	187	84,1
Vitamin E	IU	8,22	3,74
Vitamin K1	µg	14,7	6,62
Vitamin C	mg	617	278
Vitamin B1	µg	448	202
Vitamin B2	µg	938	422
Niacin	µg	6911	3110
Acid panthoic/Panthenic acid	µg	1943	874
Vitamin B6	µg	789	355
Acid folic/Folic acid	µg	113	50,9
Vitamin B12	µg	1,54	0,69
Biotin	µg	11,9	5,36
<b>KHOẢNG CHẤT/MINERALS</b>			
Natri/Sodium	mg	261	117
Kali/Potassium	mg	455	205
Canxi/Calcium	mg	586	264
Phospho/Phosphorus	mg	420	189
Magni/Magnesium	mg	650	293
Sắt/Iron	mg	5,04	2,27
Kẽm/Zinc	mg	720	324
Mangan/Manganese	µg	622	280
Đồng/Copper	µg	160	72,0
Seleni/Selenium	µg	102	45,9
Chromium	µg	5,90	2,66
Molybdenum	µg	413	186
Molybdenum/Observed	µg	18,9	8,50

**1) THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:**

Bột sữa, Béo thực vật, Sucrose, Maltodextrin, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Sữa Non Colo 24h, DHA từ dầu cá, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm.

**2) HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:**

- Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha. Wash your hands with soap and water.
- Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50°C. Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 50°C).
- Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4,5 muỗng gạt (tương đương 45 g bột). Pour 180 ml of water into the utensils, then add 4.5 scoops (approximately 45 g of powder).
- Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng. Stir well until the powder is completely dissolved. Check the heat before feeding. Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ. Finish using product reconstituted feeding 1 hour after preparation.

**3) LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:**

- Dùng 2 ly/ngày cho trẻ từ 2 – 3 tuổi; 2 – 3 ly/ngày cho trẻ trên 3 tuổi – 10 tuổi. Use 2 servings per day for children aged 2 – 3 years; 2 – 3 servings per day for children aged over 3 – 10 years.
- Hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng./Or follow doctor/dietitian's instructions.
- Sử dụng cho người bệnh với sự giám sát của nhân viên y tế.

**THƯƠNG NHÃN CHIU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA:**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**  
 VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.  
 Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.  
 Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trì Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Xuất xứ: Việt Nam.  
 Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CX 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.  
**Số TMDKSP: 063/2023/TKSP**  
**Số tiêu chuẩn: 79/2023/TCSP-NUTRI**  
**NSX và HSD: Xem trên bao bì.**



**TƯ VẤN DINH DƯỠNG**  
 MIỄN BẮC: 1800.6011 (Miễn phí)  
 MIỄN NAM: 028.73.009.888  
 www.nutricare.com.vn



Net wt. 850 g  
 Khối lượng tịnh  
**THỰC PHẨM DINH DƯỠNG Y HỌC**  
**NUTRICARE COLOS24H GROW PLUS 2+**  
 Dành cho trẻ từ 2 – 10 tuổi



**NUTRICARE COLOS24H GROW PLUS 2+**  
**BỀ TĂNG CÂN CAO KHỎE**  
 Sản phẩm được nghiên cứu và phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ; **CAO NĂNG LƯỢNG 100 kcal/100 ml THEO KHUYẾN NGHỊ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI**, được chứng minh lâm sàng giúp trẻ **TĂNG CÂN SAU 2 THÁNG**, bổ sung **SỮA NON TỪ MỸ, 10 TỶ LỢI KHUẨN** cũng **52 ĐƯỜNG CHẤT** thiết yếu giúp trẻ **CAO LỚN VƯỢT TRỘI**

**TĂNG CÂN KHỎE MẠNH**  
**CAO NĂNG LƯỢNG 100 kcal/100 ml** theo khuyến nghị của **TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI (WHO)** cho trẻ suy dinh dưỡng và **ĐẠM CHẤT LƯỢNG CAO** cung 18 axit amin. Sản phẩm được **chứng minh lâm sàng giúp tăng cân sau 2 tháng**.  
**Lysin** cùng **Kẽm** thúc đẩy quá trình chuyển hóa năng lượng, giúp trẻ ăn ngon miệng.

**TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG VÀ TIÊU HÓA**  
**SỮA NON** nhập khẩu trực tiếp từ **MỸ** chứa **20% kháng thể IgG, 10 tỷ lợi khuẩn** cùng **Kẽm** và **hệ Antioxidant** (Vitamin A, C, E, Selen) giúp trẻ tăng sức đề kháng.  
**Chất xơ hòa tan (Prebiotics)** giúp tăng hệ vi khuẩn có lợi, hỗ trợ hệ tiêu hóa của trẻ, chống táo bón.

**HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO**  
 Bổ 3 đường chất **Canxi, Vitamin D3, Phot pho** giúp phát triển hệ xương và chiều cao của trẻ; đáp ứng **theo nhu cầu khuyến nghị của BỘ Y TẾ**, phù hợp với thể trạng của trẻ em Việt Nam.

**HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÃO BỘ**  
**DHA** là đường chất quan trọng hỗ trợ phát triển não bộ, cùng **Axit folic** hỗ trợ khả năng ghi nhớ, học hỏi của trẻ.

- (1) Năng lượng đạt 100 kcal/100 ml theo khuyến nghị của **TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI (WHO)** cho trẻ suy dinh dưỡng.
- (2) Đạm từ sữa và đậu nành là đạm chất lượng cao.
- (3) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.
- (4) 10 Tỷ lợi khuẩn (Postbiotic) trong 2 ly pha chuẩn.
- LƯU Ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.  
 - Không dùng cho người nhạy cảm với Sữa, Đậu nành, Cá.  
 - Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

**4) BẢO QUẢN/STORAGE:**  
 • Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

**5) CÔNG DỤNG/FEATURE:**  
 Thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm, cùng các đường chất cần thiết giúp trẻ tăng cân, tăng chiều cao, làm giảm tình trạng suy dinh dưỡng và nguy cơ suy dinh dưỡng của trẻ.  
 Replaces snacks, supplements Energy, Protein and necessary nutrients to help children gain weight, increase height, reduce malnutrition and the risk of malnutrition in children.

**6) ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR:**  
 • Trẻ từ 2 – 10 tuổi./For children from 2 – 10 years old.  
 • Trẻ nhẹ cân, biếng ăn, trẻ có nhu cầu bổ sung thêm Năng lượng. Đạm và Vi chất dinh dưỡng vào khẩu phần ăn; trẻ suy dinh dưỡng đang trong thời gian điều trị duy trì/dự phòng./Underweight children, children with anorexia, children who need to add more Energy, Protein and Micronutrients to their diets; malnourished children are undergoing maintenance/prevention treatment.

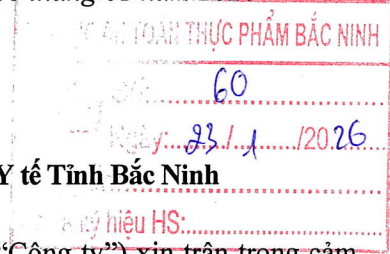


**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DINH DƯỠNG NUTRICARE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2026/CV-NU  
V/v Thông báo cập nhật TCSP  
sau công bố

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 01 năm 2026



**Kính gửi: Chi cục An toàn thực phẩm Bắc Ninh - Sở Y tế Tỉnh Bắc Ninh**

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare (sau đây gọi tắt là “Công ty”) xin trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Chi cục trong suốt quá trình thực hiện công bố sản phẩm tại địa phương trong thời gian qua.

Công ty chúng tôi đã thực hiện thủ tục Đăng ký công bố sản phẩm sau tại Ban Quản lý an toàn thực phẩm tỉnh Bắc Ninh:

Tên sản phẩm	Số TNDKSP	Ngày công bố
Thực phẩm dinh dưỡng y học Nutricare Colos24h Grow Plus 2+	063/2023/ĐKSP	11/12/2023

Căn cứ Khoản 4, Điều 8, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ QCVN 8-3:2012/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm, trong đó tại Mục 1.2 – Giới hạn ô nhiễm vi sinh vật đối với các sản phẩm sữa dạng bột, chỉ tiêu Enterobacteriaceae được phân loại loại A; Công ty xin thông báo cập nhật thông tin chỉ tiêu vi sinh vật Enterobacteriaceae đối với sản phẩm **Thực phẩm dinh dưỡng y học**

**Nutricare Colos24h Grow Plus 2+**, nhằm đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành nêu trên.

Cụ thể, trước đây doanh nghiệp đang áp dụng chỉ tiêu Enterobacteriaceae theo phân loại loại B tại Mục 5.3 của QCVN 8-3:2012/BYT. Nay, căn cứ theo đúng phân loại sản phẩm và quy định tại Mục 1.2, Công ty đề nghị cập nhật chỉ tiêu này sang loại A, với nội dung thay đổi như sau:

Thông tin cũ			
STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
2	Enterobacteriaceae	/10 g	KPH

Thông tin cập nhật			
STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
2	Enterobacteriaceae	CFU/g	10



(Tiêu chuẩn sản phẩm cập nhật chi tiết đính kèm.)

Công ty cam kết đảm bảo chất lượng, an toàn và phù hợp quy định hiện hành.

Kính mong Quý Chi cục ghi nhận và lưu hồ sơ theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn!

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Đức Minh*



**CÔNG TY CP DINH DƯỠNG NUTRICARE**  
**BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM**  
**Số: 79/2023/TCSP-NUTRI**

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Địa chỉ trụ sở: Số 28, Ngõ 7A, Khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 66833368

Fax: 0437858999

E-mail: nutricare82@gmail.com

**1. Tên sản phẩm: Thực phẩm dinh dưỡng y học Nutricare Colos24h Grow Plus 2+**

**2. Thành phần cấu tạo**

Bột sữa, Béo thực vật, Sucrose, Maltodextrin, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Đạm đậu nành, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Sữa Non Colos 24h, DHA từ dầu cá, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm.

**3. Chỉ tiêu cảm quan:**

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng khét).

**4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:**

Thành phần	Đơn vị	Mức tối thiểu trong 100 g bột
Năng lượng/Energy	kcal	390
Chất đạm/Protein	g	13,2
Lysin/Lysine	mg	918
Leucin/Leucine	mg	1060
Isoleucin/Isoleucine	mg	591
Valin/Valine	mg	700
Arginin/Arginine	mg	491
Histidin/Histidine	mg	302
Phenylalanin/Phenylalanine	mg	501

Tyrosin/ <i>Tyrosine</i>	mg	422
Threonin/ <i>Threonine</i>	mg	496
Methionin/ <i>Methionine</i>	mg	258
Tryptophan/ <i>Tryptophan</i>	mg	156
Cystin/ <i>Cystine</i>	mg	137
Axit glutamic/ <i>Glutamic acid</i>	mg	2397
Axit aspartic/ <i>Aspartic acid</i>	mg	951
Glycin/ <i>Glycine</i>	mg	257
Alanin/ <i>Alanine</i>	mg	391
Prolin/ <i>Proline</i>	mg	1022
Serin/ <i>Serine</i>	mg	626
<b>Chất béo/<i>Lipid</i></b>	g	19,2
DHA ( <i>Docosahexaenoic acid</i> )	mg	17,6
<b>Carbohydrat/<i>Carbohydrate</i></b>	g	40,3
Đường tổng số/ <i>Total sugars</i>	g	22,0
<b>Chất xơ hòa tan (FOS/<i>Inulin</i>)</b>	g	2,40
IgG	mg	16,0
Từ Sữa Non Colos 24h/ <i>From Colostrum Colos 24h</i>	mg	80,0
Lợi khuẩn/ <i>Postbiotic (Lactococcus lactis)</i>	tế bào	11,2 x 10 <sup>9</sup>
<b>Vitamin/<i>Vitamins</i></b>		
Vitamin A	IU	1066
Vitamin D3	IU	150
Vitamin E	IU	6,66
Vitamin K1	µg	11,8
Vitamin C	mg	49,4
Vitamin B1	µg	358
Vitamin B2	µg	750
Niacin	µg	5529
Axit pantothenic/ <i>Pantothenic acid</i>	µg	1554
Vitamin B6	µg	631
Axit folic/ <i>Folic acid</i>	µg	90,4
Vitamin B12	µg	1,23
Biotin	µg	9,52
<b>Khoáng chất/<i>Minerals</i></b>		
Natri/ <i>Sodium</i>	mg	209
Kali/ <i>Potassium</i>	mg	364

10  
 CÔNG  
 C  
 DINH  
 HỮU  
 CHẤT

Canxi/ <i>Calcium</i>	mg	469
Phốt pho/ <i>Phosphorus</i>	mg	336
Magiê/ <i>Magnesium</i>	mg	52,0
Sắt/ <i>Iron</i>	mg	4,03
Kẽm/ <i>Zinc</i>	mg	5,76
Mangan/ <i>Manganese</i>	µg	498
Đồng/ <i>Copper</i>	µg	128
I-ốt/ <i>Iodine</i>	µg	81,6
Selen/ <i>Selenium</i>	µg	4,72
Crôm/ <i>Chromium</i>	µg	3,30
Molybden/ <i>Molybdenum</i>	µg	15,1

## 5. Chỉ tiêu an toàn:

**5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật:** Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	10
3	<i>Staphylococci dương tính với coagulase</i>	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100

**5.2. Hàm lượng kim loại nặng:** Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/l	0,02
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05
4	Asen	mg/kg	0,5
5	Thiếc (Sn) ( <i>Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc</i> )	mg/kg	250

**5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm:** Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,025
2	Ochratoxin A	µg/kg	0,5
3	Patulin	µg/kg	10

9372  
NG T  
PHÂN  
H DƯC  
TRICA  
HAY - T

4	Deoxynivalenol	µg/kg	200
5	Zearalenone	µg/kg	20
6	Fumonisin	µg/kg	200

#### 5.4. Hàm lượng Melamin:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Hàm lượng Melamine	mg/kg	2,5

#### 6. Lượng dùng khuyến nghị

Dùng 2 ly/ngày cho trẻ từ 2 - 3 tuổi; 2 - 3 ly/ngày cho trẻ trên 3 tuổi – 10 tuổi.

Hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.

#### 7. Hướng dẫn sử dụng

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.
- 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút.
- 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50 °C.
- 4) Cho 180 ml nước ấm vào cốc/bình rồi cho 4,5 muỗng gạt (tương đương 45 g bột).
- 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng.

Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

#### 8. Đối tượng sử dụng

Trẻ từ 2 – 10 tuổi. Trẻ nhẹ cân, biếng ăn, suy dinh dưỡng, trẻ có nhu cầu bổ sung thêm Năng lượng, Đạm và Vi chất dinh dưỡng vào khẩu phần ăn, trẻ đang trong thời gian điều trị duy trì/dự phòng suy dinh dưỡng.

#### 9. Công dụng

Thay thế bữa ăn phụ, bổ sung Năng lượng, Đạm, cùng các dưỡng chất cần thiết giúp trẻ tăng cân, tăng chiều cao, làm giảm tình trạng suy dinh dưỡng và nguy cơ suy dinh dưỡng của trẻ.

#### 10. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

**11. Hạn sử dụng:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

#### 12. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách bao gói: Hộp/Lon/Túi. Khối lượng tịnh: 45 g, 50 g, 90 g, 100 g, 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

#### 13. Các biện pháp phân biệt thật giả:

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo công ty và số công bố chất lượng.

84-  
 Y  
 N  
 ING  
 RE  
 P. H. P.

**14. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000** & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (**GMP**) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường **ISO 14001**.

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2026

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Kí tên, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Đức Minh*

